TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15-02-2024
Về việc ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Để.

2. Bà Phạm Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 02 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 205/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc *"Ly hôn và nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/01/2024, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Quách Thúy A, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2- Bị đơn: Anh Trần Vủ L, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp K, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Chị A có đơn xin vắng mặt, anh L vắng mặt lần 02 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Năm 2008 chị A sống chung với anh L, chỉ tổ chức lễ cưới nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống không hòa hợp nhau về suy nghĩ, tính cách nên không sống chung với nhau nữa. Anh chị có 01 người con chung là Trần Thanh T, sinh ngày 18/10/2010, hiện tại đang sống chung với chị A.

Chị A thống nhất theo nguyện vọng của con, muốn theo ai người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng. Anh chị không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày thể hiện ý kiến.*

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt phiên tòa lần hai không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là đúng quy định. Anh chị sống chung năm 2008 nhưng không đăng ký kết hôn nên đề nghị không công nhận anh chị là vợ chồng. Đề nghị giao con cho chị A nuôi dưỡng. Không ai yêu cầu vấn đề gì khác nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị A và anh L không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu giải quyết ly hôn nên Tòa án thụ lý vụ án giải quyết theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị A có đơn xin vắng mặt, anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Năm 2008 anh chị làm lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với anh chị. Theo đó, anh L và chị A không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 người con chung là Trần Thanh T, sinh ngày 18/10/2010, chị A đang trực tiếp nuôi và đồng ý tiếp tục nuôi theo nguyện vọng của con. Anh L1 không có ý kiến phản đối nên Hội đồng xét xử giao Thanh T cho chị A nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng và tài sản, nợ chung: Không ai yêu cầu cấp dưỡng. Chị A trình bày không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội

đồng xét xử không xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Án phí sơ thẩm: Chị A là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 14, 53, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Không công nhận là vợ chồng giữa chị Quách Thúy A và anh Trần Vủ L.

2- Về con chung: Giao Trần Thanh T cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Trường hợp người trực tiếp nuôi con vi phạm nghĩa vụ hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

3- Án phí sơ thẩm: Chị Quách Thúy A chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003440 ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

4- Các đương sự vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận